

Số: 352/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 10 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

**V/v hỗ trợ kinh phí chi trả hợp đồng lao động giáo viên,  
nhân viên hành chính thuộc các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập  
và nhân viên nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập  
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm học 2024 - 2025**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 22

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công đoàn ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của  
Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng  
vũ trang và theo các quy định hiện hành về chế độ chính sách của pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của  
Chính phủ, quy định chi tiết về tài chính Công đoàn;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 8 tháng 10 năm 2019 của Chính  
phủ để tính mức tiền hưởng phụ cấp thu hút, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp ưu đãi theo  
nghề, phụ cấp trách nhiệm;*

*Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao  
động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;*

*Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của  
Chính phủ về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan  
hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;*

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và các chế độ chính sách của người lao động;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Thông tư số 22/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức

đanh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 66/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 11/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội;

Căn cứ Nghị quyết số 285/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quyết định số lượng hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên hành chính thuộc các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và nhân viên nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm học 2024-2025;

Xét Tờ trình số 397/TTr-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí chi trả hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên hành chính thuộc các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và nhân viên nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm học 2024 - 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua chủ trương hỗ trợ kinh phí để chi trả số lượng hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên hành chính thuộc các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và nhân viên nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm học 2024 - 2025, cụ thể như sau:

**1. Mức kinh phí chi trả đối với 01 hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên hành chính và nhân viên nấu ăn trong 01 tháng**

**1.1. Áp dụng tiền lương theo bảng lương của công chức, viên chức đối với hợp đồng lao động: Giáo viên, nhân viên (Giáo vụ; Kế toán; Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; Thiết bị, thí nghiệm; Tư vấn học sinh; Quản trị công sở)**

Cho phép thỏa thuận chi trả theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và theo các quy định hiện hành về chế độ chính sách của pháp luật, cụ thể:

- Giáo viên mầm non:  $2,1 \times 2.340.000$  đồng + 35% phụ cấp đứng lớp + 23,5% đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **7.788.690** đồng/ 01 người/ 01 tháng;

- Giáo viên tiểu học:  $2,34 \times 2.340.000$  đồng + 35% phụ cấp đứng lớp + 23,5% đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **8.678.862** đồng/ 01 người/ 01 tháng;

- Giáo viên THCS, THPT; GDNN và GDTX:  $2,34 \times 2.340.000$  đồng + 30% phụ cấp đứng lớp + 23,5% đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **8.405.046** đồng/ 01 người/ 01 tháng;

- Nhân viên Giáo vụ, Kế toán, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Thiết bị, thí nghiệm:  $2,1 \times 2.340.000$  đồng + 23,5% đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **6.068.790** đồng/ 01 người/ 01 tháng;

- Nhân viên quản trị công sở:  $2,34 \times 2.340.000 + 23,5%$  đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **6.762.366** đồng/01 người/01 tháng;

- Nhân viên Tư vấn học sinh:

+ Trước ngày 04/11/2024, phân ra 2 loại trình độ đào tạo:

$2,1 \times 2.340.000$  đồng + 23,5% đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **6.068.790** đồng/01 người/01 tháng (nếu ký hợp đồng ở trình độ cao đẳng);

$2,34 \times 2.340.000 + 23,5%$  đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **6.762.366** đồng/01 người/01 tháng (nếu ký hợp đồng ở trình độ đại học);

+ Từ ngày 04/11/2024 trở đi:  $2,34 \times 2.340.000 + 23,5%$  đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **6.762.366** đồng/01 người/01 tháng.

**1.2. Áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận đối với hợp đồng lao động:**  
Nhân viên nấu ăn, Y tế, Văn thư, Thư viện, Thủ quỹ

Cho phép thỏa thuận chi trả theo mức lương tối thiểu vùng II quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và các chế độ chính sách của người lao động, cụ thể:

Nhân viên nấu ăn, Y tế, Văn thư, Thư viện, Thủ quỹ:  $4.410.000$  đồng + 7% mức lương tối thiểu vùng + 23,5% đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ = **5.755.050** đồng/ 01 người/ 01 tháng.

*Trường hợp các quy định mức lương cơ sở và mức lương tối thiểu vùng thay đổi thì áp dụng theo văn bản đó.*

## 2. Tổng kinh phí dự kiến

Tổng kinh phí dự kiến đề nghị hỗ trợ hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên nấu ăn năm học 2024-2025 là: **215.308.485.288 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười năm tỷ, ba trăm linh tám triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi tám đồng). Trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động giáo viên: **45.283.843.800 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ, hai trăm tám mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng);

- Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động Nhân viên Giáo vụ, Kế toán, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Thiết bị, thí nghiệm: **22.211.771.400 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, hai trăm mười một triệu, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn, bốn trăm đồng);

- Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động Nhân viên quản trị công sở: **12.902.594.328 đồng** (Bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm linh hai triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng);

- Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động Nhân viên tư vấn học sinh: **14.606.710.560 đồng** (Bằng chữ: Mười bốn tỷ, sáu trăm linh sáu triệu, bảy trăm mười nghìn, năm trăm sáu mươi đồng);

- Kinh phí hỗ trợ Nhân viên nấu ăn, Y tế, Văn thư, Thư viện, Thủ quỹ: **120.303.565.200 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, ba trăm linh ba triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm đồng);

## 3. Thời gian thực hiện

Thực hiện ký hợp đồng theo năm học đối với từng đối tượng đảm bảo quy định về thời gian làm việc thực tế theo vị trí việc làm.

3.1. Đối với giáo viên và nhân viên nấu ăn: Thực hiện không quá 10 tháng (từ 01/8/2024 đến 31/5/2025).

3.2. Đối với nhân viên hành chính: Thực hiện không quá 12 tháng (từ 01/8/2024 đến 31/7/2025).

## 4. Nguồn kinh phí chi trả hợp đồng lao động

Ngân sách tỉnh bố trí dự toán cho Sở Giáo dục và Đào tạo và bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố phân kinh phí chi trả hợp đồng lao động cho số chênh lệch giữa định mức biên chế quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và số lượng người làm việc (biên chế viên chức), hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ phục vụ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2024 theo đúng quy định của pháp luật.

5. Sở Nội vụ phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện ký kết hợp đồng lao động giáo viên, nhân viên hành chính và nhân viên nấu ăn phải đảm bảo đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo theo pháp luật chuyên ngành quy định về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Chỉ đạo thực hiện chi trả 100% chế độ qua tài khoản ngân hàng; báo cáo kết quả tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

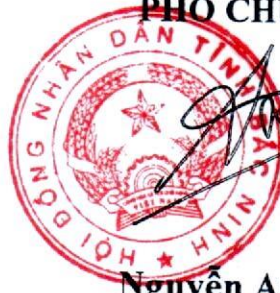
**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy; Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại BN; Báo BN; Đài PTTH;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo;
- Lưu: VT, CVP, phòng CT.HĐND.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Tuấn**